

Bản án số:01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 -01 - 2022

V/v “Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản
chung và nợ chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngư

Ông Lâm Ngọc Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thúy Vy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng:**
Bà **Kim Thị Cẩm Hương** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **184/2016/TLST-HNGĐ** ngày 16/10/2016 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021; Thông báo dời phiên tòa số **202/TB-TA** ngày **23/11/2021**; Thông báo dời phiên tòa số **226/TB-TA** ngày **20/12/2021**; Quyết định hoãn phiên tòa số **01/2022/QĐST-HNGĐ** ngày **11/01/2022** giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Tô Hồ K (Tô Hồng K), sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: số 321/3, ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: số 291/3, ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Bà Tạ Thị M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 321/3, ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hứa Thị S, sinh năm 1940 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Tạ Thị Tố N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Tô Thanh L , sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

4. Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện ủy quyền ông Nguyễn Hải A, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 20/11/2018) (Vắng mặt)

5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng - Phòng giao dịch A (Vắng mặt)

Trụ sở: 713B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Tô Hoàng P, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Ông Tô Hồng T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2016; biên bản hòa giải ngày 15/12/2016; đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/10/2019; biên bản hòa giải ngày 13/12/2019; các biên bản lấy lời ngày 10/02/2017; ngày 01/3/2021; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Tô Hồ K trình bày: Ông K và bà M kết hôn năm 1987, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trễ hạn số 144 ngày 25/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M (nay là huyện C) tỉnh Sóc Trăng.

Trong thời gian sống chung ông và bà có 03 người con chung:

1. Tô Thanh L, sinh năm 1988
2. Tô Thanh A, sinh năm 1990
3. Tô Hoàng P, sinh năm 1995

Các con đã khôn lớn trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và có gia đình riêng.

Tài sản chung đã cho con:

Thửa đất số: 259, tờ bản đồ số: 03, diện tích: 6.666,5m², tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho Tô Hoàng P đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất vào sổ cấp GCN: CS04251 ngày 22/3/2016 và thửa đất số: 674, tờ bản đồ số: 5, diện tích: 378,7m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho Tô Hoàng P đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất vào sổ cấp GCN: CS04358 ngày 21/6/2016.

Thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 03, diện tích: 4.518m², tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; cho Tô Thanh A đã được Ủy ban nhân dân huyện

C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Sổ vào sổ cấp GCN: CH03601 ngày 19/3/2015.

Tài sản chung còn lại:

Thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04), diện tích: 4.693m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Sổ vào sổ cấp GCN: CS04554 cho bà Tạ Thị M ngày 27/12/2016.

01 xe nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, do bà Tạ Thị M đứng tên.

01 xe nhãn hiệu: B0SS, số máy: SB1903814, số khung: 10CD5H903814, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích: 97, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên.

Tiền cho thuê đất ruộng từ (năm 2014 đến năm 2017) là 54. 500.000 đồng (Trong đó ông Quách Minh V thuê 4,5 công/năm = 11.500.000đ; ông Quách Minh V thuê 4 công (tầm 3n)/năm = 10.000.000đ; ông Quách Minh V thuê 4,5 công/năm = 13.000.000đ; bà Lý Thị Hồng H thuê 4 công/2 năm = 20.000.000 đ)

Tài sản riêng: Thửa đất số: 647, tờ bản đồ số: 4, diện tích: 9.500m², tọa lạc ấp G, xã A, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Sổ vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2655 QDSĐ/ QĐ. UBH cho Hộ ông Tô Hồ K ngày 21/3/2004.

Nay ông Tô Hồ K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông Tô Hồ K yêu cầu được ly hôn với bà Tạ Thị M

Về con chung: Ông K khai có 03 con chung: Tô Thanh L, sinh năm 1988; Tô Thanh A, sinh năm 1990; Tô Hoàng P, sinh năm 1995. Các con đã khôn lớn trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04), diện tích: 4693m² tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Sổ vào sổ cấp GCN: CS04554 cho bà Tạ Thị M ngày 27/12/2016; 01 xe nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, do bà Tạ Thị M đứng tên; 01 xe nhãn hiệu: B0SS, số máy: SB1903814, số khung: 10CD5H903814, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích: 97, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên (02 chiếc xe trị giá 27.000.000 đ); Tiền cho thuê đất ruộng từ (năm 2014 đến năm 2017) là 54. 500.000 đồng (Trong đó ông Quách Minh V thuê 4,5 công/năm = 11.500.000đ; ông Quách Minh V thuê 4 công (tầm 3n)/năm = 10.000.000đ; ông Quách Minh V thuê 4,5 công/năm = 13.000.000đ; bà Lý Thị Hồng H thuê 4 công/2 năm = 20.000.000đ (Tất cả tài sản trên yêu cầu chia đôi).

Theo đơn phản tố ngày 18/5/2017, biên bản hòa giải ngày 15/12/2016; biên bản hòa giải ngày 13/12/2019; các biên bản lấy lời **khai** ngày 24/5/2017; ngày 22/02/2021; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Tạ Thị M trình bày:

Về tài sản chung:

- Thửa đất số 647, tờ bản đồ số 4, diện tích: 9500m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện Mỹ T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng.

- Tiền thuê đất 02 năm (2016- 2017) = 35.000.000 đồng

- Máy kéo, máy sợi = 16.000.000 đồng

- Bình xịt máy = 4.000.000 đồng

- Một chiếc Ghe áo nhôm trọng tải 1,5 tấn (Ghe và Chệt) = 8.000.000 đồng

- Láp máy, ống bơm nước = 3.000.000 đồng

- Một thùng sọt lúa = 1.000.000 đồng

(Tất cả tài sản trên, ông K đem bán 32.000.000đ)

- Ông K lãnh tiền hỗ trợ đất ruộng 50 công = 1.000.000 đồng

Về nợ chung:

- Nợ bà Hứa Thị S: 40 chỉ vàng vàng 24k

- Nợ bà Tạ Thị Tổ N: 06 chỉ vàng vàng 24k

- Nợ Tô Thanh L: 40.000.000 đồng

- Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 32.400.000 đồng

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A: 40.000.000 đồng

Nay bà Tạ Thị M phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản và nợ nêu trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Hứa **Thị S** trình bày: Bà có cho vợ chồng ông K và bà M mượn vàng nhiều lần, tổng cộng khoảng 40 chỉ vàng 24k, do con cái trong nhà nên không có làm giấy tờ. Nếu vợ chồng K và M ly hôn, bà yêu cầu 02 người (ông K, bà M) trả cho bà 40 chỉ vàng 24k.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Tô Thanh L trình bày: Bà có cho bà M (mẹ) mượn 20.000.000đ, để trả nợ Ngân hàng, nhưng do mẹ con không có làm giấy tờ. Bây giờ cha mẹ ly hôn bà cũng không có yêu cầu đòi lại.

Tại đơn đề ngày 19/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội V- Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng ông Nguyễn Hải A trình bày: Tại thời điểm hiện nay bà Tạ Thị M không có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã

hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Công văn số 453/BC-NHNoCT ngày 28/6/2021, ông Lê Bình D, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V huyện C, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A trình bày: Đến thời điểm hiện tại, bà Tạ Thị M không có dư nợ tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V huyện C, tỉnh Sóc Trăng - Phòng giao dịch A.

Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Hồng T trình bày: Chiếc xe nhãn hiệu B0SS, biển số: 83H2-9838, do ông mua của Tô Hoàng P (con bà Tạ Thị M) vào khoảng năm 2018, giá 3.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hứa Thị S, bà Tạ Thị Tô N, bà Tô Thanh L, ông Nguyễn Hải A, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng - Phòng giao dịch A, Tô Hoàng P, Tô Hồng T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông (bà), tổ chức nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung ngày 07/10/2019 của nguyên đơn ông Tô Hồ K và đơn phản tố ngày 18/5/2017 của bị đơn bà Tạ Thị M yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung; nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật "Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn".

[3] Xét đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung ngày 07/10/2019 của nguyên đơn ông Tô Hồ K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho ông Tô Hồ K được ly hôn với bà Tạ Thị M.

Về con chung: Ông K khai có 03 con chung: Tô Thanh L, sinh năm 1988; Tô Thanh A, sinh năm 1990; Tô Hoàng P, sinh năm 1995. Các con đã khôn lớn trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Thừa đất số 408B, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04), diện tích: 4693m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Sổ vào sổ cấp GCN: CS04554 cho bà Tạ Thị M ngày 27/12/2016; 01 xe nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, **do bà Tạ Thị M đứng tên**; 01 xe nhãn hiệu: B0SS, số máy:

SB1903814, số khung: 10CD5H903814, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích: 97, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên; Tiền cho thuê đất ruộng (từ năm 2014 đến năm 2017) là 54.500.000 đồng (**Yêu cầu chia đôi**).

[4] Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn ông Tô Hồ K yêu cầu được ly hôn với bà M và yêu cầu chia đôi các tài sản: Thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04), diện tích: 4693m² tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CS04554 cho bà Tạ Thị M ngày 27/12/2016; 01xe nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, **do bà Tạ Thị M đứng tên**; 01 xe nhãn hiệu: BOSS, số máy: SB1903814, số khung: 10CD5H903814, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích: 97, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên; Tiền cho thuê đất ruộng (từ năm 2014 đến năm 2017) là 54.500.000 đồng và tại phiên Tòa hôm nay ông K yêu cầu bổ sung chia thêm 30.000.000 đồng tiền cho thuê đất ruộng.

[5] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà M là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông **K** và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Ông K và bà M thừa nhận có 03 con chung: Tô Thanh L, sinh năm 1988; Tô Thanh A, sinh năm 1990; Tô Hoàng P, sinh năm 1995. Các con đã khôn lớn trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và có gia đình riêng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04), diện tích: 4693m² tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CS04554 cho bà Tạ Thị M ngày 27/12/2016. Xét thấy, ông K cho rằng thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04), diện tích: 4693**m²**, tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của vợ chồng yêu cầu chia đôi là có cơ sở. Vì thửa đất này bà M chuyển nhượng của bà C năm 1988, trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà M và ông K không có thỏa thuận nào cho thấy đây là tài sản riêng của bà M, nên xác định đây là tài sản chung trong thời **kỳ hôn nhân**, về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi theo quy định theo Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông K yêu cầu bà M chia đôi thửa đất trên là có cơ sở chấp nhận.

Theo biên bản xem xét thẩm định, định giá tại chỗ ngày 12/12/2017, thì thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận sau:

- Phía Đông giáp kênh sườn có số đo: 66,16m;
- Phía Tây giáp thửa đất 399, 601 có số đo: 64,33m;
- Phía Nam giáp kênh sườn có số đo: 69,13m;
- Phía Bắc giáp thửa đất 407, 601 có số đo: 74,9m;
- Diện tích: 4.693m² (đất đang trồng lúa).
- Giá đất lúa: 30.000.000 đ/1m² x 4.693m² = 140.790.000 đồng.

Thửa đất này do bà Tạ Thị M là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời là người quản lý sử dụng, **nên giao cho bà M nhận bằng hiện vật (thửa đất) và bà M có nghĩa vụ thanh toán 50% (chia đôi) giá trị bằng tiền của thửa đất cho ông Tô Hồ K là 70.395.000 đồng.**

Đối với 01 chiếc xe nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, do bà Hứa Thị S đứng tên chủ xe. Xét thấy, ông K cho rằng đây là tài sản chung, yêu cầu chia đôi là không có cơ sở. Vì chiếc xe này bà Hứa Thị S đứng tên Chủ xe, không phải bà Tạ Thị M đứng tên chủ xe như lời ông K trình bày, không phải là tài sản chung của ông K với bà M; **nên không chấp nhận yêu cầu của ông K chia đôi chiếc xe nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, do bà Hứa Thị S đứng tên chủ xe.**

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu: B0SS, số máy: SB1903814, số khung: 10CD5H903814, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích: 97, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên. Xét thấy, ông K cho rằng đây là tài sản chung, yêu cầu chia đôi là có cơ sở. Vì đây là tài sản trong thời kỳ hôn nhân, do bà M đứng tên chủ xe, nhưng bà M đã cho con là Tô Hoàng P (con chung của bà M với ông K) và Tô Hoàng P đã bán cho Tô Hồng T giá 3.200.0000 đồng, nhưng không có sự đồng ý của ông K, **nên bà Muối có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị chiếc xe bằng tiền cho ông K là: 1.600.000 đồng.**

Đối với số tiền cho thuê đất ruộng (từ năm 2014 đến năm 2017) là 54.500.000 đồng và tại phiên Tòa ông K bổ sung, yêu cầu chia thêm 30.000.000 đồng tiền cho thuê đất ruộng. Xét thấy, ông K cho rằng (từ năm 2014 đến năm 2017) bà M cho ông V, ông T và bà H thuê đất ruộng 54.500.000 đồng, nên ông yêu cầu chia đôi số tiền là không có cơ sở. Vì theo chứng cứ ông K cung cấp thì ông Quách Minh V thuê 4,5 công (năm 2015) là 11.500.000đ, ông Quách Minh V thuê 4 công tầm 3m (năm 2016) là 10.000.000 đ; ông Quách Minh T thuê 4,5 công (năm 2015) là 13.000.000 đ; bà Lý Thị Hồng H thuê 4 công tầm 3m (năm 2017) là 10.000.000đ, bà Lý Thị Hồng H thuê 4 công tầm 3m (năm 2018) là 10.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2021, bà Lý Thị Hồng H thừa nhận có thuê 3,5 công tầm 3m (02 năm 2019-2020) mỗi năm là 10.000.000đ (10.000.000đ x 2 = 20.000.000 đ); còn đối với ông V, ông T Tòa án kết **hợp** với

địa phương để xác minh, nhưng 02 ông không hợp tác, lánh mặt nên không xác định được thuê mấy năm và số tiền là bao nhiêu; tại biên bản lời khai ngày 22/02/2021, bà M thừa nhận (từ năm 2014- 2017) có cho thuê 3,5 công đất tằm 3m (thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04, diện tích 4693m²) mỗi năm giá 10.000.00 đ, cho ông V và ông T thuê, chứ không phải bà Lý Thị Hồng H; số tiền bà cho thuê đất hàng năm dùng vào việc chăm lo cho cuộc sống gia đình con cái, **nên ông K chia đôi số tiền 54.500.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận**. Tại phiên Tòa hôm nay, ông K bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M **chia thêm 30.000.000 đồng tiền cho thuê đất ruộng mới phát sinh sau này là không có cơ sở chấp nhận**. Vì vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu (Ban đầu yêu cầu chia 54.500.000 đồng, tại phiên Tòa bổ sung, yêu cầu chia thêm 30.000.000 đồng)

[8] Xét đơn phản tố của bị đơn bà Tạ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn ông Tô Hồ K chia đôi các tài sản chung và nợ chung.

Các tài sản chung: Thửa đất số 647, tờ bản đồ số 4, diện tích: 9500m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện Mỹ T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng; tiền thuê đất đất 02 năm (2016- 2017) 35.000.000đồng ; Máy kéo, máy sợi 16.000.000 đồng; Bình xịt máy 4.000.000 đồng; Một chiếc Ghe áo nhôm trọng tải 1,5 tấn (Ghe và Chệt) 8.000.000 đồng; Láp máy, ống bơm nước 3.000.000 đồng; Một thùng sót lúa 1.000.000 đồng; tiền hỗ trợ đất ruộng 1.000.000 đồng.

Nợ chung: Bà Hứa Thị S: 40 chỉ vàng vàng 24k; nợ bà Tạ Thị Tố N: 06 chỉ vàng vàng 24k; nợ Tô Thanh L: 40.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 32.400.000 đồng; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A: 40.000.000 đồng.

[9] Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn bà Tạ Thị M xin rút lại lại yêu cầu chia các tài sản: Máy kéo, máy sợi 16.000.000 đồng; Bình xịt máy 4.000.000 đồng; Một chiếc Ghe áo nhôm trọng tải 1,5 tấn (Ghe và Chệt) 8.000.000 đồng; Láp máy, ống bơm nước 3.000.000 đồng; Một thùng sót lúa 1.000.000 đồng; tiền hỗ trợ đất ruộng 1.000.000 đồng; tiền thuê đất đất 02 năm (2016- 2017) 35.000.000đ (Tổng cộng số tiền rút: 68.000.000 đồng)

Chỉ còn yêu cầu chia đôi thửa đất số 647, tờ bản đồ số 4, diện tích: 9.500m² và các khoản nợ (Nợ bà Hứa Thị S: 40 chỉ vàng vàng 24k; nợ bà Tạ Thị Tố N: 06 chỉ vàng vàng 24k; nợ Tô Thanh L: 40.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 32.400.000 đồng; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A: 40.000.000 đồng). Xét thấy, bà Tạ Thị M rút lại một phần yêu cầu chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các tài sản: Máy kéo, máy sợi 16.000.000 đồng; Bình xịt máy 4.000.000 đồng; Một chiếc Ghe áo nhôm trọng tải 1,5 tấn (Ghe và Chệt) 8.000.000 đồng; Láp máy, ống bơm nước 3.000.000 đồng; Một thùng sót lúa

1.000.000 đồng; tiền hỗ trợ đất ruộng 1.000.000 đồng; tiền thuê đất 02 năm (2016- 2017) 35.000.000đ. (Tổng cộng số tiền rút: 68.000.000 đồng).

Đối với thửa đất số: 647, tờ bản đồ số: 4, diện tích: 9.500m², tọa lạc ấp G, xã A, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2655 QDSĐ/ QĐ. UBH cho Hộ ông Tô Hồ K ngày 21/3/2004. Xét thấy, bà Tạ Thị M cho rằng thửa đất 647, tờ bản đồ số: 4, diện tích: 9.500m² là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu chia đôi là có cơ sở. Vì theo các biên bản xác minh ngày 05/4/2021 của ông Tô Hồng S; bà Tô Thị H (anh, em ruột của ông Tô Hồ K) cho biết thì nguồn gốc thửa đất số 647 là của bà Trần Thị L (mẹ ruột của ông K), cho ông Tô Hồ K lúc đó ông K đã có vợ rồi là bà Tạ Thị M với diện tích 5 công (tầm 3m) và sau đó bà Tô Thị H (chị ruột ông K) mới bán cho vợ chồng ông K và bà M 02 công tầm 3m; cũng theo hồ sơ trích lục địa chính biên bản họp gia đình về việc chia đất cho con thể hiện bà Trần Thị L cho con là ông Tô Hồ K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2655 QDSĐ/QĐ.UBH do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho Hộ ông Tô Hồ K ngày 21/3/2004. Còn việc ông Tô Hồ K cho rằng đây là tài sản riêng của ông là do chặn trâu người cậu không lấy tiền rồi người cậu cho thửa đất này là không có cơ sở, vì ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; nên bà M yêu cầu ông K chia đôi thửa đất trên là có cơ sở chấp nhận.

Theo biên bản xem xét thẩm định, định giá tại chỗ ngày 15/3/2019, thì thửa đất số 647, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; có số đo tứ cận sau:

- Phía Đông giáp các thửa đất 267, 277, 276, 275, 593 có số đo: 126m;
- Phía Tây giáp thửa đất 268 có số đo: 115,7m;
- Phía Nam giáp thửa đất 269 có số đo: 77m;
- Phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị X có số đo: 82,9m;
- Diện tích: 9.634,6m² (đất đang trồng lúa).
- Giá đất lúa: 25.000đ x 9634,6m² = 240.865.000 đồng.

Thửa đất này do Hộ Tô Hồ K là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời là người quản lý sử dụng, nên giao cho ông K nhận bằng hiện vật (thửa đất) và ông K có nghĩa vụ thanh toán 50% (chia đôi) giá trị bằng tiền của thửa đất cho bà Tạ Thị M là 120.432.500 đồng.

Đối với các khoản nợ (Nợ bà Hứa Thị S: 40 chỉ vàng vàng 24k; nợ bà Tạ Thị Tổ N: 06 chỉ vàng vàng 24k; nợ Tô Thanh L: 40.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 32.400.000 đồng; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện Châu Thành,

tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A: 40.000.000 đồng). Xét thấy, các khoản nợ bà M yêu cầu chia đôi với ông K (mỗi người có nghĩa vụ trả 50%) là không có cơ sở. Bà Hứa Thị S, bà Tạ Thị Tổ N, bà Tô Thanh L không có đơn yêu cầu độc lập buộc ông K và bà M phải trả các khoản nợ nêu trên và Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A có Văn bản xác định tại thời điểm hiện nay bà M không có dư nợ, nên bà M yêu cầu ông K chia đôi các khoản nợ trên là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng: Hết 4.000.000 đ, ông K và bà M mỗi người phải chịu là 2.000.000đ, nhưng được trừ số tiền ông K tạm ứng trước là 4.000.000 đ; như vậy ông K đã thanh toán xong chi phí tố tụng, còn lại 2.000.000 đ bà M phải thanh toán để trả lại cho ông K.

[11] Về án Phí: Ông Tô Hồ K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung, thuộc đối tượng là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử quyết định cho nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả lại cho ông K: 2.387.500đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009740 ngày 11/10/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Tạ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung: $9.621.375 \text{ đồng} (120.432.500\text{đ} + 70.395.000\text{đ} + 1.600.000 \text{ đ} = 192.427.500\text{đ} \times 5\% = 9.621.375 \text{ đồng})$, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.850.000 đồng theo biên lai số 0006867 ngày 18/5/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. **Bà M còn phải nộp 5.771.375 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

[12] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hồ K về việc xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn.

Về hôn nhân: Ông Tô Hồ K được ly hôn với bà Tạ Thị M.

Về con chung: Có 03 con chung đã trưởng thành, không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Giao cho bà Tạ Thị M nhận bằng hiện vật (thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.693m^2) và bà Muối có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền 50% (chia đôi) cho ông Tô Hồ K là 70.395.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu của ông Tô Hồ K về việc chia đôi giá trị tiền chiếc xe nhãn hiệu: B0SS, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên chủ xe và bà M có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền 50% (chia đôi) cho Tô Hồ K là 1.600.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Hồ K về việc chia đôi giá trị tiền chiếc xe nhãn

hiệu: **HONDA**, biển số: **83P2-567.94**, do bà **Hứa Thị S** đứng tên chủ xe. Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Hồ K về việc chia đôi số tiền cho thuê đất ruộng 54.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông K bổ sung yêu cầu chia thêm 30.000.000 đồng tiền cho thuê đất ruộng, vì vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn phản tố của bị đơn bà Tạ Thị M về việc chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

Về tài sản chung: Giao cho ông **Tô Hồ K** nhận bằng hiện vật (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 04, diện tích 9.634,6m²) và ông K có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền 50% (chia đôi) cho bà **Tạ Thị Muối** là 120.432.500 đồng. Đình chỉ một phần đơn của bà **Tạ Thị M** đối với yêu cầu chia đôi các tài sản: Máy kéo, máy sới 16.000.000 đồng; Bình xịt máy 4.000.000 đồng; Một chiếc Ghe áo nhôm trọng tải 1,5 tấn (Ghe và Chết) 8.000.000 đồng; Láp máy, ống bơm nước 3.000.000 đồng; Một thùng sọt lúa 1.000.000 đồng; tiền hỗ trợ đất ruộng 1.000.000 đồng; tiền thuê đất đất 02 năm (2016- 2017) 35.000.000đ. Tổng cộng 68.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà **Tạ Thị M** về việc chia đôi các khoản nợ (nợ bà **Hứa Thị S**: 40 chỉ vàng 24k; nợ bà **Tạ Thị Tố N**: 06 chỉ vàng 24k; nợ **Tô Thanh L**: 40.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 32.400.000 đồng; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A: 40.000.000 đồng).

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244; khoản 5 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 30; Điều 33; Khoản 1,2 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 62; Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điểm b, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Hồ K** về việc ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn.

- *Về hôn nhân:* Ông **Tô Hồ K** được ly hôn với bà **Tạ Thị Muối**.

- *Về con chung:* Ông **Tô Hồ K** và bà **Tạ Thị M** khai có 03 con chung: **Tô Thanh L**, sinh năm 1988; **Tô Thanh A**, sinh năm 1990; **Tô Hoàng P**, sinh năm 1995. Các con đã khôn lớn trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh

thần và có gia đình riêng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung được chia: Bà Tạ Thị M được nhận bằng hiện vật thửa đất số 861, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.693m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận sau:

- Phía Đông giáp kênh sườn có số đo: 66,16m;
- Phía Tây giáp thửa đất 399, 601 có số đo: 64,33m;
- Phía Nam giáp kênh sườn có số đo: 69,13m;
- Phía Bắc giáp thửa đất 407, 601 có số đo: 74,9m;
- Diện tích: 4.693m² (đất đang trồng lúa).

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Số vào sổ cấp GCN: CS04554, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Tạ Thị M ngày 27/12/2016

Bà Tạ Thị M có nghĩa vụ thanh toán 50% (chia đôi) giá trị bằng tiền (thửa đất 861) cho ông Tô Hồ K là 70.395.000 đồng.

- Chấp nhận đơn của ông Tô Hồ K về việc yêu cầu chia giá trị (01) xe mô tô nhãn hiệu: B0SS, số máy: SB1903814, số khung: 10CD5H903814, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích: 97, biển số: 83H2-9838, do bà Tạ Thị M đứng tên chủ xe. Bà Tạ Thị M có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị bằng tiền chiếc xe cho Tô Hồ K là 1.600.000 đồng.

- Không chấp nhận đơn của ông Tô Hồ K về việc yêu cầu chia giá trị (01) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số máy: JC53E3006480, số khung 5363EZ006449 số loại: FUTURE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích: 124, biển số: 83P2-567.94, do bà Hứa thi S đứng tên chủ xe.

- Không chấp nhận đơn của ông Tô Hồ K về việc yêu cầu chia đôi số tiền cho thuê đất ruộng 54.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông K bổ sung yêu cầu chia thêm 30.000.000 đồng tiền cho thuê đất ruộng, vì vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

2. Chấp nhận một phần đơn phản tố của bà Tạ Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Về tài sản chung được chia: Ông Tô Hồ K được nhận bằng hiện vật thửa đất số 647, tờ bản đồ số 04, diện tích 9.634,6m², tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận sau:

- Phía Đông giáp các thửa đất 267, 277, 276, 275, 593 có số đo: 126m;
- Phía Tây giáp thửa đất 268 có số đo: 115,7m;
- Phía Nam giáp thửa đất 269 có số đo: 77m;
- Phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị X có số đo: 82,9m;
- Diện tích: 9.634,6m² (đất đang trồng lúa)

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng **đất số** vào sổ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2655 QDSĐ/QĐ. UBH do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho Hộ ông Tô Hồ K ngày 21/3/2004.

- Ông Tô Hồ K có nghĩa vụ thanh toán 50% (chia đôi) giá trị bằng tiền (thửa đất số 647) cho bà Tạ Thị M là 120.432.500 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Tạ Thị M về việc yêu cầu chia đôi các tài sản: Máy kéo, máy sợi 16.000.000 đồng; Bình xịt máy 4.000.000 đồng; Một chiếc Ghe áo nhôm trọng tải 1,5 tấn (Ghe và Chệt) 8.000.000 đồng; Láp máy, ống bơm nước 3.000.000 đồng; Một thùng suốt lúa 1.000.000 đồng; tiền hỗ trợ đất ruộng 1.000.000 đồng; tiền thuê đất 02 năm (2016- 2017) 35.000.000đ (Tổng cộng đã rút lại: 68.000.000 đồng).

- Không chấp nhận phản tố của bà Tạ Thị M về việc yêu cầu ông Tô Hồ K chia đôi các khoản (Nợ bà Hứa Thị S: 40 chỉ vàng 24k; nợ bà Tạ Thị Tố N: 06 chỉ vàng 24k; nợ Tô Thanh L: 40.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 32.400.000 đồng; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng- Phòng giao dịch A: 40.000.000 đồng).

Về chi phí tố tụng: Hết 4.000.000 đồng, ông K và bà M mỗi người phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ số tiền ông K tạm ứng trước là 4.000.000 đ; ông K đã thanh toán xong chi phí tố tụng, còn lại 2.000.000 đ bà Tạ Thị M phải thanh toán để trả lại cho ông Tô Hồ K.

Về án phí: Ông Tô Hồ K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung, thuộc đối tượng là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử quyết định cho nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả lại cho ông K: 2.387.500đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009740 ngày 11/10/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Tạ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tương ứng với phần được chia tài sản chung) là: $9.621.375 \text{ đồng} (120.432.500\text{đ} + 70.395.000\text{đ} + 1.600.000 \text{ đ} = 192.427.500\text{đ} \times 5\% = 9.621.375 \text{ đồng})$, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.850.000 đồng theo biên lai số 0006867 ngày 18/5/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. **Bà M còn phải nộp 5.771.375 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- cơ quan đang ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh